**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN BẢO LÂM**
**TỈNH LÂM ĐỒNG**
Bản án số: 35/2017/DS- ST
Ngày: 31-8-2017.
*V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Đình Phong -** Thẩm phán.
- Các hội thẩm nhân dân:
- Ông **Bùi Xuân Quý.**
- Bà **Hoàng Thị Mỹ Hằng.**
- Thư ký phiên toà: Bà **Trần Thị Hà Vi-** Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên toà: Bà **Trương Thị Ngoan** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 100/2016/TLST- DS ngày 29 tháng 12 năm 2016 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2017/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn**: Bà **Trần Thị V**- Sinh năm 1960
Địa chỉ: Số 48, đường Trần Phú, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.
**Bị đơn**: Ông **Phạm Văn H**- Sinh năm 1962.
Địa chỉ: Thôn 11, xã L1, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.
Ông **Đỗ X T** – Sinh năm 1971
Địa chỉ: 25/4, Lê Đức Thọ, phường 13, quận G, Tp. Hồ Chí Minh.
Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Phạm Thị X**- Sinh năm 1968
Địa chỉ: Thôn 13, xã L2, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.
( Bà V có mặt tại phiên tòa, ông H, ông T, bà X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2016 và những lời trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị V thể hiện như sau:

Vào ngày 07/01/2016 bà V có cho ông Phạm Văn H và ông Đỗ Xuân T vay số tiền 300.000.000 đồng. Khi vay ông T và ông H có thế chấp cho bà V 01 giấy CN QSD đất được UBND huyện Bảo Lâm cấp cho ông Phạm Văn H ngày 18/11/1997. Bà V đã giao đủ số tiền 300.000.000 đồng cho ông T và ông H. Khi vay hai bên có viết giấy vay tiền với nhau , ông T là người trực tiếp viết giấy nợ, sau đó ông T và ông H ký tên ở chỗ người vay, hai bên có thỏa thuận lãi suất miệng là 2.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ 1 ngày, thời hạn trả nợ là sau 20 ngày sẽ trả cả gốc + lãi cho bà V.

Mặc dù đã quá thời hạn trả nợ bà V đã đòi nhiều lần nhưng đến nay ông T và ông H vẫn chưa trả cho bà V nợ gốc + Lãi phát sinh nên bà V làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm giải quyết buộc ông Đỗ Xuân T và ông Phạm Văn

H mỗi người có trách nhiệm trả cho bà V số tiền 150.000.000 đồng + Lãi phát sinh theo quy định của pháp luật. Bà V đồng ý trả lại cho ông H 01 giấy CN QSD đất được UBND huyện Bảo Lâm cấp cho ông Phạm Văn H ngày 18/11/1997.

**Bị đơn ông Phạm Văn H trình bày:**

Vào ngày 07/01/2016 ông H cùng ông T đến gặp bà V vay số tiền 300.000.000 đồng. Vì trước đó ông H có nợ tiền ông T nên ông H đồng ý thế chấp 01 giấy CN QSD đất được UBND huyện Bảo Lâm cấp cho ông Phạm Văn H ngày 18/11/1997. Bà V đã giao đủ số tiền 300.000.000 đồng, mặc dù trong giấy vay tiền ông H và ông T là người vay tiền nhưng ông T là người nhận toàn bộ số tiền trên.

Nay bà V làm đơn khởi kiện yêu cầu ông H và ông T mỗi người có trách nhiệm trả cho bà V số tiền 150.000.000 đồng + Lãi phát sinh, ông H đồng ý trả cho bà V số tiền 150.000.000 đồng + Lãi phát sinh, còn lại số tiền 150.000.000 đồng và lãi phát sinh ông H đề nghị ông T có trách nhiệm trả cho bà V.

Ông H yêu cầu bà V trả lại cho ông H 01 giấy CN QSD đất được UBND huyện Bảo Lâm cấp cho ông Phạn Văn H ngày 18/11/1997. Giấy CN QSD đất trên là của ông H, ông H cam đoan không liên quan đến bất kỳ ai.

**Bị đơn ông Đỗ Xuân T trình bày:**

Vào ngày 07/01/2016 ông T cùng ông Phạm Văn H và bà X đến tiệm vàng KV. Ông H có đưa cho bà V 01 giấy CN QSD đất mang tên ông H để thế chấp vay số tiền 300.000.000 đồng. Bà X giới thiệu cho ông H gặp bà V để vay tiền, sau đó bà V đưa số tiền 300.000.000 đồng cho ông H và bà X, còn ông T không nhận bất cứ số tiền nào từ bà V.

Chữ ký trong giấy vay tiền ngày 07/01/2016 là chữ ký của ông T nhưng ông T chỉ ký tên là người làm chứng.

Nay bà V làm đơn khởi kiện yêu cầu ông H và ông T mỗi người có trách nhiệm trả cho bà V số tiền 150.000.000 đồng + Lãi phát sinh, ông T không đồng ý. Vì ông không vay tiền của bà V.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị X trình bày:**

Vào ngày 07/01/2016 bà X có dẫn ông H và ông T đến gặp bà V để vay số tiền 300.000.000 đồng. Ông H và ông T là người vay tiền, là người trực tiếp nhận toàn bộ số tiền 300.000.000 đồng từ bà V. Bà X cam đoan toàn bộ số tiền trên không liên quan gì đến bà.

Nay bà V làm đơn khởi kiện yêu cầu ông H và ông T mỗi người có trách nhiệm trả cho bà V số tiền 150.000.000 đồng + Lãi phát sinh, bà X đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình như trên, đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông H và ông T phải trả tiền gốc và lãi suất là 0,75%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 31/01/2016 cho đến ngày xét xử. Bị đơn ông Phạm Văn H và ông Đỗ Xuân T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị V về việc " *Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản* "với ông Phạm Văn H và ông Đỗ Xuân T.

Buộc ông Phạm Văn H phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị V số tiền 150.000.000đ + Lãi phát sinh.

Buộc ông Đỗ X T phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị V số tiền 150.000.000đ + Lãi phát sinh.

Buộc bà V phải trả lại cho ông H 01 giấy CN QSD đất được UBND huyện Bảo Lâm cấp cho ông Phạm Văn H ngày 18/11/1997.

Về án phí : Đề nghị hội đồng xét xử buộc ông H và ông T phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]** Theo giấy vay tiền ngày 07/01/2016 do bà V cung cấp thể hiện: Vào ngày 07/01/2016 bà V có cho ông Phạm Văn H và ông Đỗ X T vay số tiền 300.000.000 đồng. Khi vay ông T và ông H có thế chấp cho bà V 01 giấy CN QSD đất được UBND huyện Bảo Lâm cấp cho ông Phạm Văn H ngày 18/11/1997, thời gian trả nợ là sau 20 ngày sẽ trả cả gốc + Lãi cho bà V, đến hạn trả nợ ông H và ông T không trả nên bà V làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T và ông H mỗi người có trách nhiệm trả cho bà V số tiền 150.000.000 đồng và lãi suất là 0,75%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 31/01/2016 cho đến ngày xét xử, yêu cầu trên của bà V là có cơ sở và đúng pháp luật vì bà V xuất trình được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, đồng thời ông H cũng thừa nhận vào ngày 07/01/2016 ông H cùng ông T đến gặp bà V vay số tiền 300.000.000 đồng. Bà V đã giao đủ số tiền 300.000.000 đồng, nay bà V làm đơn khởi kiện ông H đồng ý trả cho bà V số tiền 150.000.000 đồng + lãi phát sinh. ông T thừa nhận 07/01/2016 ông T cùng ông H và bà X đến tiệm vàng KV, ông H có đưa cho bà V 01 giấy CN QSD đất mang tên ông H để thế chấp vay số tiền 300.000.000 đồng. Bà V đưa số tiền 300.000.000 đồng cho ông H và bà X, còn ông T không nhận bất cứ số tiền nào từ bà V, nhưng ông T thừa nhận chữ ký trong giấy vay tiền ngày 07/01/2016 là chữ ký của ông T, ông T chỉ ký tên là người làm chứng, lời trình bày trên của ông T là không có cơ sở chấp nhận vì ông không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ, qua xem xét giấy vay tiền không thể hiện người làm chứng, mà thể hiện người vay tiền trong đó có chữ ký của ông T, đồng thời bà X không thừa nhận nhận số tiền trên từ bà V.

Do vậy cần áp dụng Điều 471; Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 cần buộc ông H và ông T có trách nhiệm liên đới trả cho bà V số tiền nợ gốc 300.000.000đ, theo tỷ phần ông T phải trả 150.000.000đ, ông H phải trả 150.000.000đ.

**[2]** đối với lãi 300.000.000đ tiền gốc x 0,75%/tháng x 19 tháng ( Từ ngày 31/01/2016 đến ngày 31/8/2017 ) = 42.750.000đ.

Do vậy cần buộc ông H và ông T có trách nhiệm liên đới trả cho bà V số tiền lãi 42.750.000đ theo tỷ phần ông T phải trả 21.375.000đ, ông H phải trả 21.375.000đ.

**[3]** Cần buộc bà V phải trả cho ông H 01 giấy CN QSD đất được UBND huyện Bảo Lâm cấp cho ông Phạm Văn H ngày 18/11/1997.

**[4]** Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ quốc hội số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27 tháng 02 năm 2009. Do ông H và ông T mỗi người phải có trách nhiệm trả cho bà V số tiền 171.375.000đ gốc + Lãi nên ông H và ông T mỗi người phải nộp 8.568.750đ án phí DSST (171.375.000đ x 5% = 8.568.750đ ).

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 khoản 2 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 471; Điều 474; Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 463; Điều 466; Điều 470; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015

1/ Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị V** về việc *" Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" với ông **Phạm Văn H** và ông **Đỗ Xuân T**.

Buộc ông Phạm Văn H và ông Đỗ Xuân T phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị V số tiền 342.750.000đ ( Ba trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn ) đồng gồm cả gốc và lãi, theo tỷ phần ông H phải trả 171.375.000đ, trong đó gốc 150.000.000đ lãi 21.375.000đ. Ông T phải trả 171.375.000đ, trong đó gốc 150.000.000đ lãi 21.375.000đ.

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.*

Buộc bà Trần Thị V phải trả lại cho ông Phạm Văn H 01 giấy CN QSD đất được UBND huyện Bảo Lâm cấp cho ông Phạm Văn H vào ngày 18/11/1997.

2. Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ quốc hội số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27 tháng 02 năm 2009.

Buộc ông Phạm Văn H và ông Đỗ Xuân T mỗi người phải nộp 8.568.750đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Trần Thị V 7.500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004542 ngày 29/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (Hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự ), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

( Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chỉ được quyền kháng cáo phần có liên quan ).

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự."*

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THA dân sự huyện Bảo Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**
**(Đã ký)**
**Nguyễn Đình Phong**